

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011

và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

đã được soát xét

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét	4
Báo cáo tài chính đã được soát xét	5 – 23
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 23

CHỖ DÁN CHỮ ĐÓNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng 565 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng 565 là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 3262/QĐ-BQP ngày 22 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 25.03.000136 lần đầu ngày 06 tháng 02 năm 2007 và thay đổi từ lần 01 đến lần 04 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 04 ngày 31 tháng 8 năm 2010 là 29.593.140.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 bao gồm:

- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, kỹ thuật (công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, đường dây và trạm điện, nước sinh hoạt, công trình ngầm dưới đất - dưới nước, đường ngầm, công trình hạ tầng kỹ thuật);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Mua bán vật liệu xây dựng.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 23).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Toàn	Chủ tịch
Ông Lê Đức Thắng	Ủy viên
Ông Mai Ngọc Kiên	Ủy viên
Ông Trịnh Văn Hải	Ủy viên
Ông Trịnh Văn Tấn	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Toàn	Giám đốc
Ông Mai Ngọc Kiên	Phó Giám đốc
Ông Bùi Thanh Tùng	Phó Giám đốc
Ông Đặng Văn Doan	Phó Giám đốc
Ông Trịnh Văn Hải	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng 565 tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hòa Bình, ngày 13 tháng 8 năm 2011

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc



Nguyễn Mạnh Toàn

Số: 172./2011/BCSX-AASCN

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
*về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Công ty Cổ phần Xây dựng 565***Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Công ty Cổ phần Xây dựng 565 được lập ngày 9 tháng 8 năm 2011 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty Cổ phần Xây dựng 565 và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt****Phó Giám đốc****Bùi Ngọc Hà**

Chứng chỉ KTV số: 0662/KTV

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2011

Kiểm toán viên**Bùi Thị Ngọc Lân**

Chứng chỉ KTV số: 0300/KTV

Headquarters29 Hoàng Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 * Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn**Branch in Hanoi**706 A5 Building, Thanglong Int. Village, Cau Giay Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 * Fax: (84-04) 3793 1429
Email: infohn@aascn.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	01/01/2011
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		302.282.987.065	271.693.594.943
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		790.837.654	13.697.365.303
1.	Tiền	111	V.1	790.837.654	13.697.365.303
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu	130		142.029.158.767	131.034.532.857
1.	Phải thu của khách hàng	131		116.739.157.062	116.437.013.178
2.	Trả trước cho người bán	132		22.397.331.228	10.523.607.858
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.2	4.707.327.721	5.888.569.065
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(1.814.657.244)	(1.814.657.244)
IV.	Hàng tồn kho	140		153.867.632.684	123.786.380.469
1.	Hàng tồn kho	141	V.3	153.867.632.684	123.786.380.469
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		5.595.357.960	3.175.316.314
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.438.187.894	1.851.495.384
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		1.157.170.066	1.323.820.930

 11.11.2011
 KẾ TÍNH TOÁN

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Đơn vị tính: VND

U.
T.
H
VÍ
TC
Á
T
P

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

sĐơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	01/01/2011
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		302.234.673.950	268.731.925.759
I.	Nợ ngắn hạn	310		290.474.905.392	254.446.639.379
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.6	121.708.612.884	113.732.229.210
2.	Phải trả người bán	312		59.593.961.104	44.997.859.055
3.	Người mua trả tiền trước	313		69.243.380.995	65.164.898.371
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.7	8.757.963.182	9.518.033.074
5.	Phải trả người lao động	315		5.528.799.996	3.259.760.798
6.	Chi phí phải trả	316	V.8	798.472.086	70.877.350
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.9	23.226.920.139	16.318.548.815
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi			1.616.795.006	1.384.432.706
II.	Nợ dài hạn	330		11.759.768.558	14.285.286.380
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.10	11.759.768.558	14.285.286.380
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		32.691.700.704	38.711.401.220
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.11	32.691.700.704	38.711.401.220
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		29.593.140.000	29.593.140.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		3.721.146.633	2.904.100.863
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		668.124.305	490.825.405
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(1.290.710.234)	5.723.334.952
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		334.926.374.654	307.443.326.979

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/6/2011	01/01/2011
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hòa Bình, ngày 9 tháng 8 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đinh Ngọc Kiên

Trịnh Văn Hải

Nguyễn Mạnh Toàn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	102.597.999.766	71.815.697.270
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.02	102.597.999.766	71.815.697.270
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	88.338.413.932	60.063.035.468
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.259.585.834	11.752.661.802
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	26.337.617	64.625.932
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	10.734.507.840	5.118.660.175
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.734.507.840	5.118.660.175
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.892.443.291	4.030.856.615
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.341.027.680)	2.667.770.944
11.	Thu nhập khác	31		72.727.273	26.843.891
12.	Chi phí khác	32		26.463.109	-
13.	Lợi nhuận khác	40		46.264.164	26.843.891
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.294.763.516)	2.694.614.835
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.06	-	336.826.854
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(1.294.763.516)	2.357.787.981
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.11	(438)	928

Hòa Bình, ngày 9 tháng 8 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Đinh Ngọc Kiên

Trịnh Văn Hải

Nguyễn Mạnh Toàn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		115.153.865.140	125.846.680.841
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(108.039.674.894)	(87.878.675.797)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.758.835.111)	(18.528.194.825)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(10.770.891.376)	(5.380.135.252)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(267.619.767)	(293.750.000)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		331.530.749	308.924.613
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.234.329.087)	(5.971.608.768)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(16.585.954.346)	8.103.240.812
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.333.190.728)	(2.929.740.000)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		80.000.000	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26.337.617	64.625.932
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.226.853.111)	(2.865.114.068)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		111.855.374.406	100.212.760.746
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(106.949.094.598)	(102.468.154.401)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(9.520.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.906.279.808	(2.264.913.655)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(12.906.527.649)	2.973.213.089
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		13.697.365.303	3.848.618.345
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		790.837.654	6.821.831.434

Hòa Bình, ngày 9 tháng 8 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Đinh Ngọc Kiên

Trịnh Văn Hải

Nguyễn Mạnh Toàn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 bao gồm:

- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, kỹ thuật (công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, đường dây và trạm điện, nước sinh hoạt, công trình ngầm dưới đất - dưới nước, đường ngầm, công trình hạ tầng kỹ thuật);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Mua bán vật liệu xây dựng.

Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, một số ngành nghề được cấp phép nhưng trong kỳ kế toán chưa phát sinh tại Công ty bao gồm:

- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét, cao lanh;
- Sản xuất gạch nung, ngói, vôi;
- Sản xuất các sản phẩm từ xi măng vữa;
- Sản xuất cấu kiện thép cho xây dựng và các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc;
- Vận tải hàng hóa bằng xe tải đặc biệt;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Đầu tư và kinh doanh đường giao thông.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ kế toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

01
C
C
C
D
A
C
H
V
A
K
N
A
G
I
A

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao TSCĐ hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với qui định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	14 năm
- Thiết bị sản xuất:	5 – 7 năm
- Phương tiện vận tải	7 năm
- Thiết bị văn phòng	4 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó, bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh là lợi thế thương mại.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

120
H N
G T
V P
INH
IEM
M V
Y -

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)***Doanh thu hoạt động tài chính:***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 25%.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Đơn vị tính: VND***1. Tiền**

	<u>30/6/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Tiền mặt tại quỹ	325.555.007	177.253.031
- Tiền gửi ngân hàng	465.282.647	13.520.112.272
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u><u>790.837.654</u></u>	<u><u>13.697.365.303</u></u>

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>30/6/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu người lao động	-	-
- Phải thu khác	4.707.327.721	5.888.569.065
+ Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn	1.180.339.908	1.986.799.786
+ Các đội, xí nghiệp	3.477.987.813	3.556.830.208
+ Các đối tượng khác	49.000.000	344.939.071
Cộng	<u><u>4.707.327.721</u></u>	<u><u>5.888.569.065</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***3. Hàng tồn kho**

	30/6/2011	01/01/2011
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	14.897.551.693	13.627.970.748
- Công cụ, dụng cụ	-	76.721.455
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	138.970.080.991	110.081.688.266
- Thành phẩm	-	-
- Hàng hoá	-	-
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
- Hàng hóa bất động sản	-	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	153.867.632.684	123.786.380.469

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565
 Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>1.724.492.391</i>	<i>67.108.973.526</i>	<i>31.090.435.901</i>	<i>1.261.217.276</i>	<i>101.185.119.094</i>
- Mua trong kỳ	-	24.000.000	1.270.921.637	38.269.091	1.333.190.728
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(366.666.600)	-	-	(366.666.600)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>1.724.492.391</i>	<i>66.766.306.926</i>	<i>32.361.357.538</i>	<i>1.299.486.367</i>	<i>102.151.643.222</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>694.108.173</i>	<i>43.872.449.696</i>	<i>20.383.149.884</i>	<i>1.017.275.455</i>	<i>65.966.983.208</i>
- Số khấu hao trong kỳ	60.357.229	2.661.085.180	1.628.841.304	46.723.770	4.397.007.483
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(366.666.600)	-	-	(366.666.600)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>754.465.402</i>	<i>46.166.868.276</i>	<i>22.011.991.188</i>	<i>1.063.999.225</i>	<i>69.997.324.091</i>
III. Giá trị còn lại					
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>1.030.384.218</i>	<i>23.236.523.830</i>	<i>10.707.286.017</i>	<i>243.941.821</i>	<i>35.218.135.886</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>970.026.989</i>	<i>20.599.438.650</i>	<i>10.349.366.350</i>	<i>235.487.142</i>	<i>32.154.319.131</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

5. Chi phí trả trước dài hạn

	30/6/2011	01/01/2011
- Lợi thế thương mại	489.068.458	531.596.150
Cộng	489.068.458	531.596.150

6. Vay và nợ ngắn hạn

	30/6/2011	01/01/2011
- <i>Vay ngắn hạn</i>	<i>121.708.612.884</i>	<i>113.732.229.210</i>
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hòa Bình	121.708.612.884	113.732.229.210
- <i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	121.708.612.884	113.732.229.210

7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2011	01/01/2011
- Thuế giá trị gia tăng	8.467.072.457	8.980.666.192
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	285.332.725	535.332.725
- Thuế thu nhập cá nhân	5.558.000	2.034.157
Cộng	8.757.963.182	9.518.033.074

8. Chi phí phải trả

	30/6/2011	01/01/2011
- Chi phí sửa chữa	732.935.422	-
- Chi phí lãi vay	65.536.664	70.877.350
Cộng	798.472.086	70.877.350

9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/6/2011	01/01/2011
- Tài sản thừa chờ giải quyết	172.291.010	172.272.465
- Kinh phí công đoàn	388.447.203	322.795.515
- Bảo hiểm xã hội	349.611.686	165.339.052
- Bảo hiểm y tế	107.150.344	77.471.509
- Bảo hiểm thất nghiệp	15.815.501	2.995.819
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	22.193.604.395	15.577.674.455
+ <i>Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn</i>	<i>9.345.353.500</i>	<i>7.000.000.000</i>
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	<i>2.100.887.500</i>	<i>7.270.000</i>
+ <i>Các đối tượng khác</i>	<i>10.747.363.395</i>	<i>8.570.404.455</i>
Cộng	23.226.920.139	16.318.548.815

10. Vay và nợ dài hạn

	30/6/2011	01/01/2011
- <i>Vay dài hạn</i>	<i>11.759.768.558</i>	<i>14.285.286.380</i>
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hòa Bình	9.883.043.048	11.684.346.914
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thanh Xuân	628.438.920	1.897.238.920
- Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	1.248.286.590	703.700.546
- <i>Nợ dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	11.759.768.558	14.285.286.380

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	25.406.440.000	2.144.563.195	310.225.405	5.311.452.227	33.172.680.827
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	5.719.320.393	5.719.320.393
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	4.186.700.000	759.537.668	180.600.000	(5.307.437.668)	(180.600.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	29.593.140.000	2.904.100.863	490.825.405	5.723.334.952	38.711.401.220
Số dư đầu năm nay					
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(1.294.763.516)	(1.294.763.516)
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	817.045.770	177.298.900	(5.719.281.670)	(4.724.937.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	29.593.140.000	3.721.146.633	668.124.305	(1.290.710.234)	32.691.700.704

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565
 Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2011	01/01/2011
- Vốn góp của Nhà nước	15.635.690.000	15.635.690.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	13.957.450.000	13.957.450.000
Cộng	29.593.140.000	29.593.140.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	29.593.140.000	25.406.440.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	29.593.140.000	25.406.440.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.438.971.000	-

d. Cổ phiếu

	30/6/2011	01/01/2011
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.959.314	2.959.314
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.959.314	2.959.314
+ Cổ phiếu phổ thông	2.959.314	2.959.314
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.959.314	2.959.314
+ Cổ phiếu phổ thông	2.959.314	2.959.314
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/6/2011	01/01/2011
- Quỹ đầu tư phát triển	3.721.146.633	2.904.100.863
- Quỹ dự phòng tài chính	668.124.305	490.825.405
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	4.389.270.938	3.394.926.268

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565
 Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

g. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	30/6/2011	01/01/2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.294.763.516)	2.357.787.981
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm Lợi nhuận kế toán để xác định Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.294.763.516)	2.357.787.981
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.959.314	2.540.644
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(438)	928

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
- Doanh thu bán hàng (*)	4.723.453.932	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	97.874.545.834	71.815.697.270
Cộng	102.597.999.766	71.815.697.270

(*) Trong đó:

+ Doanh thu bán hàng hóa	4.723.453.932
+ Doanh thu bán thành phẩm	-
Cộng	4.723.453.932

2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	102.597.999.766	71.815.697.270
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	-	-
Cộng	102.597.999.766	71.815.697.270

3. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.723.453.932	-
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	83.614.960.000	60.063.035.468
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-
Cộng	88.338.413.932	60.063.035.468

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565
 Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

4. Doanh thu tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.337.617	64.625.932
Cộng	26.337.617	64.625.932

5. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
- Chi phí lãi vay	10.734.507.840	5.118.660.175
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Cộng	10.734.507.840	5.118.660.175

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	336.826.854
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	336.826.854

7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	59.601.640.223	44.518.537.848
- Chi phí nhân công	14.027.874.309	13.534.416.502
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.397.007.483	4.459.138.063
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.291.575.668	10.340.589.107
- Chi phí khác	7.354.244.401	4.203.445.543
Cộng	112.672.342.084	77.056.127.063

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan:

1.1. Các bên liên quan có mối quan hệ kinh doanh với Công ty trong kỳ là:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	Công ty mẹ (tỷ lệ vốn góp 52,8%)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- 1.2. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu trong kỳ như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Số tiền (VND)</i>
Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	Doanh thu xây lắp	31.038.941.538

- 1.3. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, số dư công nợ của Công ty với các bên liên quan như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Khoản mục</i>	<i>Số tiền (VND)</i>
Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	Phải thu khách hàng	30.705.082.721
	Phải thu khác	1.180.339.908
	Vay dài hạn	1.248.286.590
	Phải trả khác	9.345.353.500

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

Hòa Bình, ngày 9 tháng 8 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đinh Ngọc Kiên

Trịnh Văn Hải

Nguyễn Mạnh Toàn